

CHƯƠNG 18 THỰC PHẨM, NÔNG NGHIỆP VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

TỔNG QUAN

Bước sang năm 2024, ngành nông nghiệp Việt Nam đã cho thấy khả năng phục hồi trước những biến động toàn cầu. Giá trị tăng thêm của khu vực nông nghiệp đạt 3,07% nửa đầu năm 2023, đóng góp 9,28% vào tăng trưởng GDP. Thành tích ổn định này giúp đảm bảo an ninh lương thực và sinh kế, đồng thời tạo ra doanh thu xuất khẩu quan trọng. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp cần tiếp tục nỗ lực để tăng năng suất, tính bền vững và khả năng cạnh tranh trong bối cảnh vẫn còn nhiều thách thức, từ tác động của biến đổi khí hậu đến nguy cơ dịch bệnh ở động vật. Mặc dù vậy, các chính sách thận trọng đã giúp ngành nông nghiệp vượt qua được những áp lực trước mắt, thể hiện sự vững vàng bất chấp tình trạng bất ổn toàn cầu.

Đã có những nỗ lực vô cùng quan trọng của chính phủ như Quyết định 300 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về hệ thống thực phẩm bền vững đến năm 2030¹ và Quyết định 889 về tăng cường kiểm soát dịch bệnh ở động vật đã đặt nền móng chính sách cho một ngành nông nghiệp đổi mới, thích ứng với biến đổi khí hậu,² và Quyết định 100 phê duyệt Đề án triển khai, ứng dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc và xác định lộ trình ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn.³ Tuy nhiên, để tận dụng tối đa tiềm năng to lớn này, cần phải mở rộng tầm nhìn chiến lược này thành các chương trình cụ thể, bao gồm các chương trình đào tạo và giáo dục ở tất cả các cấp, đầu tư và hợp tác.

Những khuyến nghị trong các phần tiếp theo của chương này nhằm nêu bật những cơ hội quan trọng để phát triển ngành nông nghiệp Việt Nam lên một tầm cao mới. Các ý tưởng được đưa ra trên nhiều khía cạnh như thực hành sản xuất bền vững, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và tài trợ đổi mới.

Ví dụ, các phương pháp tiếp cận như nông nghiệp sinh thái và sản xuất hữu cơ có thể cải thiện chất lượng và an toàn cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tương tự, việc sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi một cách thận trọng thông qua cách tiếp cận Một Sức khỏe (One Health) sẽ giảm thiểu rủi ro và phù hợp với các thực hành tốt nhất trên toàn cầu.

Trong khi đó, các phương án tài trợ được tối ưu hóa có thể cung cấp nguồn vốn cần thiết cho các khoản đầu tư quan trọng vào phát triển bền vững, công nghệ và nâng cấp cơ sở hạ tầng. Các ưu đãi về vốn lưu động và chuyển đổi Môi trường-Xã hội-Quản trị (ESG) sẽ cho phép các doanh nghiệp bắt tay vào hành trình hiện đại hóa.

Khả năng phục hồi được thể hiện trong năm 2023 cho thấy vai trò trung tâm của nông nghiệp Việt Nam trong sự phát triển của đất nước. Những ý tưởng được nêu trong các phần tiếp theo có thể giúp thúc đẩy ngành nông nghiệp tiếp tục củng cố giá trị chiến lược của ngành và đóng góp mạnh mẽ hơn cho một Việt Nam tăng trưởng liên tục và thịnh vượng.

I. TRIỂN KHAI NÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÀ SẢN XUẤT HỮU CƠ CHO RAU QUẢ

Cơ quan liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Tài nguyên Môi trường (Bộ TNMT).

Mô tả vấn đề

- Quyết định 300/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững ở Việt Nam đến năm 2030 (Quyết định 300).
- Quyết định 889/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Kế hoạch quốc gia triển khai các nhiệm vụ trọng tâm nhằm tăng cường năng lực quản lý, kiểm soát dịch bệnh động vật và bảo đảm an toàn thực phẩm có nguồn gốc động vật, giai đoạn 2022 – 2030" (Quyết định 889).
- Quyết định 100/QĐ-TTg ngày 19 tháng 1 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (Quyết định 100).

Ngành nông nghiệp Việt Nam đang đứng trước thời cơ then chốt. Canh tác công nghiệp thông thường đã thúc đẩy tăng năng suất, tuy nhiên lại phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố đầu vào bên ngoài như phân bón hóa học và thuốc trừ sâu. Các tác động và rủi ro môi trường gây ra cho sức khỏe con người đã khơi mào cho phong trào toàn cầu hướng tới bền vững sinh thái. Nông nghiệp sinh thái đưa ra một giải pháp thay thế đầy hứa hẹn bằng cách áp dụng các nguyên tắc riêng của tự nhiên vào nông nghiệp. Khi ngành nông nghiệp Việt Nam tìm cách cân bằng giữa tăng năng suất và tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng toàn cầu, nông nghiệp sinh thái nên được xem xét nhờ mang lại nhiều lợi ích.

Nông nghiệp sinh thái nhấn mạnh đến đa dạng sinh học, chất lượng đất và kết hợp hiệu quả giữa các hệ động thực vật để tối ưu hóa năng suất. Các kỹ thuật bao gồm luân canh cây trồng, xen canh, quản lý dịch hại tổng hợp và canh tác tự nhiên với ngân sách bằng 0. Điều này làm giảm sự phụ thuộc vào các yếu tố đầu vào tổng hợp bên ngoài, từ đó giảm chi phí và dấu chân môi trường. Nông nghiệp sinh thái rất phù hợp với nông dân sản xuất nhỏ, mang lại khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu thông qua sản xuất đa dạng hóa. Sản xuất trái cây, rau và hàng hóa được chứng nhận hữu cơ cũng có thể giúp nông dân Việt Nam tiếp cận thị trường nội địa và xuất khẩu cao cấp.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc chuyển đổi sang nông nghiệp sinh thái và cách tiếp cận sinh học có thể đặt ra một số thách thức ban đầu. Năng suất có thể thấp hơn so với phương pháp thâm canh thông thường sử dụng phân bón tổng hợp và thuốc trừ sâu. Tuy nhiên, lợi ích lâu dài bao gồm giảm chi phí đầu vào, cải thiện độ an toàn và bền vững môi trường.

Ở Việt Nam, quy mô trang trại nhỏ (trung bình 2 héc ta) khiến việc xin chứng nhận hữu cơ gặp nhiều khó khăn và có thể rất tốn kém. Việc thành lập các nhóm hợp tác và hợp tác xã cho phép các nhóm nông dân kết hợp sản xuất và đạt được một chứng chỉ hữu cơ duy nhất theo cách khả thi hơn. Nhiều quốc gia đưa ra các biện pháp hỗ trợ tài chính cho nông dân chuyển đổi sang phương pháp hữu cơ thông qua các khoản trợ cấp, khoản vay có trợ cấp và chia sẻ chi phí chứng nhận.

Mặc dù dữ liệu có thể khác nhau, một số ước tính cho thấy canh tác sinh học có thể đạt khoảng 90% năng suất thông thường.⁴ Mức chênh lệch 10% về năng suất có thể được giảm thiểu theo thời gian bằng cách tinh chỉnh các hệ thống canh tác tích hợp. Nghiên cứu, đào tạo và các hỗ trợ chính sách mạnh mẽ là những biện pháp rất quan trọng để giúp Việt Nam thuận lợi chuyển đổi sang nông nghiệp sinh học bền vững, nâng cao sinh kế của nông dân trong khi vẫn phù hợp với các tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn và chất lượng.

Để so sánh, các nông dân EU hiện đang từng bước từ bỏ nông nghiệp thâm canh (1 vụ / diện tích bề mặt lớn) để chuyển sang nông nghiệp sinh thái (diện tích bề mặt nhỏ hơn với nhiều loại cây trồng khác nhau và giới thiệu đa dạng sinh học).

Khuyến nghị

Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản của EuroCham (FAABS) khuyến nghị ngành nông nghiệp Việt Nam xây dựng các mục tiêu tham vọng nhưng có thể đạt được:

- Khuyến khích giảm sử dụng và giảm nguy cơ từ thuốc trừ sâu hóa học. Ví dụ, Liên minh châu Âu để xuất mục tiêu giảm 50% việc sử dụng và rủi ro từ thuốc trừ sâu hóa học cũng như việc sử dụng các loại thuốc trừ sâu nguy hiểm hơn vào năm 2030 và tăng tổng diện tích nông nghiệp được sử dụng trong canh tác hữu cơ (UAA) từ khoảng 14,7 triệu ha đất nông nghiệp ở EU vào năm 2020⁵ tương ứng từ 9,1% lên 25% vào năm 2023;⁶
- Ngoài ra, cần khuyến khích áp dụng nông nghiệp sinh thái thông qua tăng cường canh tác trên diện tích nhỏ hơn, xen canh và luân canh cây trồng;
- Khuyến khích hình thành các cụm hợp tác và hợp tác xã để dễ đạt được một chứng nhận hữu cơ duy nhất;

4 Ondrasek et al., "Land Resources in Organic Agriculture: Trends and Challenges in the Twenty-First Century from Global to Croatian Contexts" (Tài nguyên đất trong nông nghiệp hữu cơ: Xu hướng và thách thức trong thế kỷ 21 từ bối cảnh toàn cầu đến bối cảnh Croatia), *Agronomy*, 2023, 13, 1544. Xem tại: <<https://doi.org/10.3390/agronomy13061544>>.

5 "EU's organic farming area reaches 14.7 million hectares" (Diện tích canh tác hữu cơ của EU đạt 14,7 triệu ha), Eurostat, ngày 22 tháng 2 năm 2022. Xem tại <<https://ec.europa.eu/eurostat/web/products-eurostat-news/-/ddn-20220222-1>>, truy cập lần cuối ngày 23 tháng 9 năm 2023.

6 "EU's organic farming area covered 15.9 million hectares" (Diện tích canh tác hữu cơ của EU là 15,9 triệu ha), Eurostat, ngày 22 tháng 6 năm 2023. Xem tại: <<https://ec.europa.eu/eurostat/web/products-eurostat-news/w/ddn-20230622-1>>, truy cập lần cuối ngày 23 tháng 9 năm 2023.

- Cung cấp hỗ trợ tài chính cho nông dân chuyển đổi sang phương pháp hữu cơ;
- Tăng cường nỗ lực và đầu tư vào nghiên cứu, đào tạo và các nỗ lực chính sách để chuyển đổi sang nông nghiệp sinh thái một cách suôn sẻ; và
- Về các phân tử gây lây nhiễm chéo và do đó có khả năng ảnh hưởng đến tính vô hại trong thực phẩm và yêu cầu xuất khẩu, các cơ quan chức năng của Việt Nam có thể tập trung vào một số loại thuốc trừ sâu như Cypermethrin, Permethrin, Acetamiprid, Mancozeb và một số loại khác.

II. THỰC HIỆN CÁCH TIẾP CẬN MỘT SỨC KHỎE TRONG CHĂN NUÔI

Cơ quan liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Y tế (BYT), Bộ Tài nguyên Môi trường (Bộ TNMT).

Mô tả vấn đề

Đặt lại trọng tâm vào vấn đề an toàn thực phẩm và thảo luận về cách đảm bảo an toàn thực phẩm là rất quan trọng để tận dụng tối đa lợi ích của EVFTA. Thật vậy, các cơ quan quản lý của châu Âu yêu cầu phải đáp ứng một số tiêu chí nhất định như không có dấu vết của kháng sinh hoặc chất bị cấm. Tuy nhiên, theo những nghiên cứu mới đây,⁷ hàng năm ở Việt Nam, có khoảng 2751 tấn thuốc kháng sinh được sử dụng trong chăn nuôi,⁸ và lượng kháng sinh cao nhất được tìm thấy ở lợn và gia cầm.¹⁰ Ngoài ra, hàm lượng dư lượng kháng sinh cao trong các sản phẩm thực phẩm và tình trạng kháng kháng sinh ở các mầm bệnh lây truyền từ động vật sang người qua thực phẩm (ví dụ: Salmonella không gây bệnh thương hàn) cũng là những vấn đề đáng lưu ý của ngành chăn nuôi trong nước. Một số khảo sát cho thấy việc sử dụng kháng sinh để phòng bệnh vẫn chưa được hoàn toàn loại bỏ ở Việt Nam.¹¹ ¹² Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), kháng kháng sinh là một trong số 10 tình trạng khẩn cấp về sức khỏe toàn cầu hàng đầu ảnh hưởng đến nhân loại,¹³ và việc sử dụng thuốc kháng sinh trong chăn nuôi là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này.

FAABS và EuroCham ghi nhận những nỗ lực và thành tựu to lớn của Chính phủ Việt Nam với việc ban hành Nghị định 13 của Chính phủ¹⁴ trong đó đặt ra lộ trình cấm hoàn toàn một số loại thuốc kháng sinh sử dụng để phòng bệnh căn cứ vào ảnh hưởng đối với sức khỏe con người theo WHO và ở động vật trên cạn ở giai đoạn con non vào năm 2026.¹⁵

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các quy định được ban hành gần đây về hạn chế sử dụng thuốc kháng sinh trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản đã giúp Việt Nam trở thành quốc gia tiên phong trong khu vực Đông Nam Á về các nỗ lực này. Khi lộ trình

7 JJ. Carrique-Mas, "Restrictions on antimicrobial use in aquaculture and livestock" (Hạn chế sử dụng kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi), *World Health Organization*, Viet Nam, 2023, 101:223–225. Xem tại: <<http://dx.doi.org/10.2471/BLT.22.289187>>.

8 JJ. Carrique-Mas, M. Choisy, N. Van Cuong, G. Thwaites, S. Baker, "An estimation of total antimicrobial usage in humans and animals in Vietnam" (Ước tính tổng lượng sử dụng kháng sinh ở người và động vật ở Việt Nam), *Antimicrob Resist Infect Control*, 2020, 14;9(1):16. Xem tại: <<https://doi.org/10.1186/s13756-019-0671-7>>.

9 LTT. Ha, C. Rueanghiran, NTH. Giang, DP. Thuy, DH. Phu, B. Tuan Kiet, et al. "Antimicrobial usage surveillance through sales at veterinary drug shops intended for livestock in Vietnam" (Giám sát sử dụng kháng sinh thông qua bán hàng tại các cửa hàng thuốc thú y dành cho vật nuôi ở Việt Nam). *Front Sustain Food Syst.*, 2021;5:784500. Xem tại: <<https://doi.org/10.3389/fsufs.2021.784500>>.

10 NT. Nhung, NTB. Van, NV. Cuong, TTQ. Duong, TT. Nhat, TTT. Hang, et al., "Antimicrobial residues and resistance against critically important antimicrobials in non-typhoidal Salmonella from meat sold at wet markets and supermarkets in Vietnam" (Tồn dư kháng sinh và khả năng kháng các kháng sinh cực kỳ quan trọng của vi khuẩn Salmonella không thương hàn từ thịt bán tại các chợ và siêu thị tươi sống ở Việt Nam), *Int J Food Microbiol*, 2018;266:301. Xem tại: <<https://doi.org/10.1016/j.jfoodmicro.2017.12.015>>.

11 Đã dẫn.

12 Duc et al., "Knowledge, attitudes and practices of livestock and aquaculture producers regarding antimicrobial use and resistance in Vietnam." (Kiến thức, thái độ và thực hành của người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản về sử dụng kháng sinh và kháng kháng sinh ở Việt Nam), 2019;14(9):e0223115. Xem tại: <<https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/31553776/>>.

13 Như tài liệu đã được trích dẫn, JJ. Carrique-Mas, 2023 "Restrictions on antimicrobial use in aquaculture and livestock, Viet Nam" (Hạn chế sử dụng kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi).

14 Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 1 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi (Nghị định 13)

15 Huong et al. "Antibiotics use in fish and shrimp farms in Vietnam" (Sử dụng kháng sinh trong nuôi tôm, cá ở Việt Nam), 2021, *Aquaculture report*. Xem tại: <<https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2352513421001277?via%3Dihub>>.

này đạt đến giai đoạn cuối vào năm 2026, các hạn chế về việc sử dụng kháng sinh ở Việt Nam sẽ giống như các hạn chế ở các nước EU. Chúng tôi ủng hộ việc tuân thủ tối đa các quy định này, và đề nghị các quy định này cần được xem xét và cải thiện định kỳ. Chúng tôi tin tưởng rằng thành công trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và thức ăn chăn nuôi sẽ giúp Việt Nam khai thác đầy đủ lợi ích từ EVFTA bằng cách tối đa hóa xuất khẩu và hợp tác kinh doanh với các nước châu Âu.

Khuyến nghị

Chúng tôi muốn củng cố một số khuyến nghị như sau:

- Tiếp tục phổ biến các quy định và giám sát việc tuân thủ thông qua nâng cao hiểu biết của các bên liên quan về các sản phẩm thuốc kháng sinh dùng trong thú y và danh mục các sản phẩm này theo WHO; hiểu biết về những rủi ro liên quan đến việc sử dụng để phòng bệnh; và hiểu biết về việc phân loại doanh nghiệp chăn nuôi theo đơn vị chăn nuôi;
- Đảm bảo tuân thủ và giám sát tốt hơn các quy định về sử dụng các sản phẩm có chứa kháng sinh thông qua việc ghi nhãn và đánh giá tác động của việc sử dụng thuốc kháng sinh và kháng kháng sinh;
- Chính phủ nên đối thoại với ngành sản xuất động vật làm thực phẩm, khuyến khích hài hòa hóa các quy định về thuốc kháng sinh và giám sát các tác động tiềm ẩn đối với tình hình bệnh tật và sản xuất trong khu vực; và
- Cần khuyến khích các giải pháp thay thế cho phương pháp điều trị bệnh bằng kháng sinh như an toàn sinh học, tiêm chủng, sử dụng các giải pháp thay thế như men vi sinh, prebiotic (một loại chất xơ nuôi các vi khuẩn thân thiện trong hệ tiêu hóa) hoặc các giải pháp dựa vào tự nhiên khác đã được sử dụng trong nhiều thập kỷ ở châu Âu.

III. CÁC PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH THỰC PHẨM, NÔNG NGHIỆP VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Cơ quan liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT).

Mô tả vấn đề

Các công ty trong lĩnh vực nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản đã trở nên linh hoạt và công phu hơn trong cách quản lý hoạt động tài chính, chuyển từ giao dịch tiền mặt sang nền tảng kỹ thuật số, đồng thời cũng đang tìm cách tối ưu hóa hơn nữa vốn lưu động của mình. Nông nghiệp vốn là một lĩnh vực được khuyến khích và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã giới hạn lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VNĐ ở mức 4,5%.¹⁶ Một trong những yếu tố quan trọng để các doanh nghiệp (cả trong và ngoài nước) đầu tư mạnh hơn vào lĩnh vực này sẽ phụ thuộc vào các chương trình hoặc ưu đãi tiếp theo từ Chính phủ để giảm lãi suất cho vay cho các phương án tài chính nhằm tối ưu hóa vốn lưu động và tài trợ cho các kế hoạch mở rộng chi tiêu vốn của doanh nghiệp. Trong bối cảnh rộng hơn, đầu tư vào nông nghiệp bền vững cũng có thể chịu tác động gián tiếp của một chính sách quy mô lớn như Quy hoạch phát triển điện lực VIII (Quy hoạch điện VIII). Một chính sách như vậy sẽ có tác động theo chiều ngang, ảnh hưởng đến quyết định của các doanh nghiệp vào Việt Nam đầu tư. Vì vậy, lộ trình thực hiện các phương án tài trợ cần tính đến các chính sách, chương trình như vậy để phát triển toàn diện và lâu dài.

Một lĩnh vực trọng tâm quan trọng khác xoay quanh chương trình Môi trường-Xã hội-Quản trị (Environmental-Social-Governmental - ESG) hoặc phát triển bền vững. Các chính sách ở châu Âu đối với ngành nông nghiệp hiện đang tập trung nhiều hơn vào khái niệm này thông qua các chính sách tiếp cận mới như Cơ chế điều chỉnh

¹⁶ "NHNN điều chỉnh lãi suất cơ bản", *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*, 2023. Xem tại: <https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/en/home/sbv/news/Latestnews/Latestnews_chitiet?dDocName=SBV570041&p=4&_afLoop=30418265732166023#%40%3F_afLoop%3D30418265732166023%26centerWidth%3D80%2525%26dDocName%3DSBV570041%26leftWidth%3D20%2525%26p%3D4%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D17140poo8e_4_>, truy cập lần cuối ngày 14 tháng 9 năm 2023.

biên giới carbon (Carbon Border Adjustment Mechanism – CBAM) và Quy định Chống phá rừng của EU (EU Deforestation Regulation – EUDR). Những chính sách này là một phần của hệ sinh thái chính sách thiết lập một môi trường kinh doanh thúc đẩy các doanh nghiệp áp dụng và thích ứng với các tiêu chuẩn cao hơn về tính bền vững. Chẳng hạn như trong EUDR, người tiêu dùng châu Âu sẽ không tiêu thụ bất kỳ sản phẩm nào góp phần gây ra nạn phá rừng.¹⁷ Hơn thế, các chính sách này không chỉ tác động trong khu vực EU, các nước giao thương với EU cũng phải đáp ứng được các tiêu chuẩn bền vững của EU.

Hiện tại, Chính phủ chưa có chương trình hoặc ưu đãi cụ thể nào để giúp doanh nghiệp chuyển sang phát thải ròng bằng 0 hoặc nâng cao năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Tiến trình thực hiện ESG vẫn còn chưa được củng cố. Chúng tôi thấy nhiều công ty thực hiện chương trình ESG một cách nghiêm túc và đang nỗ lực hướng tới tham vọng phát thải ròng bằng 0 với các ưu tiên và kế hoạch rõ ràng, nhưng chúng tôi cũng thấy nhiều công ty không muốn tiếp tục do chi phí vận hành ban đầu để đầu tư vào các mục tiêu ESG còn cao. Chương trình ưu đãi của Chính phủ sẽ khuyến khích nhiều công ty hơn bắt đầu thực hiện chương trình ESG một cách nghiêm túc hơn, đặc biệt là ngành nông nghiệp vốn là nền tảng của nền kinh tế Việt Nam.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác cùng với các Bộ Ngành liên quan cần tiếp tục nâng cao hiểu biết của doanh nghiệp về các lợi ích của vốn lưu động cho toàn bộ hệ sinh thái của doanh nghiệp, từ nhà cung cấp đến nhà phân phối, người mua và đến khách hàng cuối, điều này sẽ có lợi cho nền kinh tế. Quan trọng hơn, việc sử dụng nhiều phương án tài trợ vốn lưu động hơn như tài trợ chuỗi cung ứng hoặc tài trợ nhà phân phối so với các phương án cho vay thông thường sẽ giảm chi phí tài chính cho doanh nghiệp cũng như giảm thiểu rủi ro một cách hiệu quả hơn.

Về khía cạnh ESG, việc chưa có các kế hoạch và ưu đãi cụ thể từ Chính phủ có thể là yếu tố khiến nhiều doanh nghiệp trì hoãn việc thực hiện kế hoạch ESG của mình vốn sẽ không tốt cho nền kinh tế khi Việt Nam có mục tiêu cụ thể là phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Khuyến nghị

FAABS khuyến nghị như sau:

- Các Bộ và tổ chức tài chính nên tổ chức các hội thảo để đào tạo cho doanh nghiệp về lợi ích của vốn lưu động;
- Cần có một chương trình khuyến khích ESG được trợ cấp từ Chính phủ (như chương trình trợ cấp cho lĩnh vực được khuyến khích), từ đó thúc đẩy/khuyến khích doanh nghiệp bắt đầu thực hiện kế hoạch ESG của mình để chuyển sang mức phát thải ròng bằng 0; và
- Cần nỗ lực hơn nữa trong việc xây dựng các chính sách có tác động liên kết với nhau. Chẳng hạn, cần làm rõ kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII với các mốc thời gian cụ thể vì điều này cũng sẽ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản thuộc EuroCham

¹⁷ “Deforestation-free products” (Sản phẩm không phá rừng), *European Commission*. Xem tại: < https://environment.ec.europa.eu/topics/forests/deforestation/regulation-deforestation-free-products_en>, truy cập lần cuối ngày 31 tháng 10 năm 2023.